

UBND XÃ THANH AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN CANG

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ N
NĂ

STT	Lớp	Sĩ số	Ngôn ngữ						Tính toán						Khoa học					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tổng toàn trường	198	124	93,2	71	53,4	3	2,3	122	91,7	76	57,1			127	95,5	71	53,4		
2	1A	31	20	64,5	9	29	2	6,5	20	64,5	11	35,5			20	64,5	11	35,5		
3	Tổng khối 01	31	20	64,5	9	29	2	6,5	20	64,5	11	35,5			20	64,5	11	35,5		
4	2A	34	19	55,9	14	41,2	1	2,9	19	55,9	15	44,1			22	64,7	12	35,3		
5	Tổng khối 02	34	19	55,9	14	41,2	1	2,9	19	55,9	15	44,1			22	64,7	12	35,3		
6	3A1	25	17	68	8	32			16	64	9	36			16	64	9	36		
7	3A2	23	14	60,9	9	39,1			14	60,9	9	39,1			15	65,2	8	34,8		
8	Tổng khối 03	48	31	64,6	17	35,4			30	62,5	18	37,5			31	64,6	17	35,4		
9	4A	34	22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3		
10	Tổng khối 04	34	22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3		
11	5A1	26	16	61,5	10	38,5			16	61,5	10	38,5			16	61,5	10	38,5		
12	5A2	25	16	64	9	36			15	60	10	40			16	64	9	36		
13	Tổng khối 05	51	32	62,7	19	37,3			31	60,8	20	39,2			32	62,7	19	37,3		

ẶNG LỰC HỌC SINH CUỐI HỌC KỲ I
 M HỌC: 2025 - 2026

Công nghệ						Tin học						Thẩm mĩ						Thể chất			
Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt	
SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
91	68,4	42	31,6			89	66,9	44	33,1			130	97,7	68	51,1			143	107,5	55	41,4
												20	64,5	11	35,5			20	64,5	11	35,5
												20	64,5	11	35,5			20	64,5	11	35,5
												21	61,8	13	38,2			24	70,6	10	29,4
												21	61,8	13	38,2			24	70,6	10	29,4
17	68	8	32			17	68	8	32			17	68	8	32			18	72	7	28
18	78,3	5	21,7			17	73,9	6	26,1			15	65,2	8	34,8			18	78,3	5	21,7
35	72,9	13	27,1			34	70,8	14	29,2			32	66,7	16	33,3			36	75	12	25
22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3			25	73,5	9	26,5
22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3			22	64,7	12	35,3			25	73,5	9	26,5
16	61,5	10	38,5			16	61,5	10	38,5			16	61,5	10	38,5			16	61,5	10	38,5
18	72	7	28			17	68	8	32			19	76	6	24			22	88	3	12
34	66,7	17	33,3			33	64,7	18	35,3			35	68,6	16	31,4			38	74,5	13	25,5

Người lập l
 (Ký và ghi rõ l

Cần cố gắng	
SL	TL

biểu
 (tên họ)